



CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TỶ LỆ NHIỄM GIUN SÁN TRÊN CHÓ NUÔI TẠI THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Phi Bằng¹, Nguyễn Thị Chúc², Nguyễn Hồ Bảo Trân³ và Nguyễn Hữu Hưng³

¹Khoa Nông nghiệp và Tài nguyên Thiên nhiên, Trường Đại học An Giang

²Khoa Nông nghiệp, Trường Cao đẳng Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ

³Khoa Nông nghiệp và Sinh học Ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

Thông tin chung:

Ngày nhận: 22/09/2015

Ngày chấp nhận: 25/05/2016

Title:

Risk factors affecting the prevalence of helminth infection in domestic dogs in Long Xuyen city, An Giang province

Từ khóa:

Chó, giun sán, nguy cơ tương đối, tỉnh An Giang

Keywords:

Dogs, helminths, relative risk, An Giang province

ABSTRACT

The cross-sectional study was performed to determine the extent of endemic helminths in domestic dogs in Long Xuyen city, An Giang province from 06/2014 to 06/2015. The relative risk (RR) was used to evaluate the effect of risk factors on infection rate of parasitic helminths in dogs. Results showed that the prevalence of helminth infection in dogs was rather high (73.67%). In total, four species of Nematoda (*Ancylostoma* sp., *Toxocara canis*, *Toxascaris leonine*, and *Trichocephalus vulpis*) and three species of Cestoda (*Dipylidium caninum*, *Spirometra mansoni* and *Taenia* sp) were found. Considerably, three risk factors including raising methods, animal hygiene and regular deworming were in close relation with the infection rate of parasitic helminths. These factors showed their influences to increase the prevalence of parasitic infection in dogs, of which free-ranging dogs, bad hygiene conditions (bathing and grooming once a week), and not applying deworm treatments were at the relative risks of 1.71, 1.40 and 1.83, respectively.

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 6/2014 đến 6/2015 nhằm xác định mức độ lưu hành bệnh giun sán trên chó nuôi tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bằng phương pháp nghiên cứu tại một thời điểm. Đánh giá một số yếu tố nguy cơ có ảnh hưởng đến tỷ lệ nhiễm bệnh giun sán ký sinh trên chó bằng Relative risk (RR) để xác định mức độ ảnh hưởng giữa yếu tố nguy cơ đến bệnh giun sán ký sinh trên chó. Chó nhiễm giun sán với tỉ lệ nhiễm cao 73,67%, trong đó có 4 loài thuộc lớp giun tròn là *Ancylostoma* sp., *Toxocara canis*, *Toxascaris leonina*, *Trichocephalus vulpis* và 3 loài thuộc lớp sán dây là *Dipylidium caninum*, *Spirometra mansoni*, *Taenia* sp.. Có ba yếu tố nguy cơ liên quan mật thiết đến tỷ lệ nhiễm bệnh giun sán trên chó là phương thức nuôi, vệ sinh gia súc và tẩy giun sán định kỳ. Cả ba yếu tố này đều làm tăng nguy cơ nhiễm bệnh giun sán ký sinh trên chó nuôi tại thành phố Long Xuyên với phương thức nuôi thả rong là 1,71 lần, vệ sinh tắm chải dưới 1 lần/tuần là 1,40 lần, không thực hiện tẩy giun định kỳ 1,83 lần.

Trích dẫn: Nguyễn Phi Bằng, Nguyễn Thị Chúc, Nguyễn Hồ Bảo Trân và Nguyễn Hữu Hưng, 2016. Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến tỷ lệ nhiễm giun sán trên chó nuôi tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 43b: 68-73.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ lâu, chó mèo được xem là vật nuôi gần gũi, thân thiết nhất của con người. Ngoài việc giữ nhà, bắt chuột, làm nghiệp vụ, đi săn, dẫn đường và làm cảnh người ta còn nuôi chó mèo với mục đích quan trọng hơn là để bầu bạn. Do có nhiều đặc điểm đặc biệt hơn các loài vật nuôi khác như: dễ gần gũi, thông minh và trung thành là lý do giúp giải thích tại sao có nhiều người nuôi chó và yêu thương chúng đến vậy. Việc phòng bệnh cho thú cưng của mình đang rất được người nuôi quan tâm và kiểm soát chặt chẽ bằng các loại vaccine đã góp phần hạn chế rất lớn sự bùng nổ của các bệnh truyền nhiễm nhưng bệnh ký sinh trùng đặc biệt là bệnh do giun sán gây ra vẫn tồn tại và rất ít được nhiều người quan tâm, một số bệnh giun sán ký sinh trên chó còn có khả năng lây lan sang người có thể kể đến như *Dipylidium caninum*, *Toxocara canis*, *Ancylostoma caninum*, *Ancylostoma braziliense*... (Nguyễn Quốc Doanh, 2012). Nghiên cứu này giúp đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến tỉ lệ nhiễm giun sán trên chó và người nuôi chó có sự quan tâm đúng mức.

2 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Nội dung

- Xác định thành phần loài giun sán ký sinh trên chó tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Xác định các yếu tố nguy cơ có ảnh hưởng đến tỷ lệ nhiễm giun sán trên chó.

2.2 Vật liệu

- Nghiên cứu được thực hiện từ các phường/xã của thành phố Long Xuyên bao gồm khu vực Nội ô (Mỹ Xuyên, Mỹ Long, Mỹ Phước) và Ngoại ô (Mỹ Hoà, Mỹ Khánh, Bình Khánh) thành phố từ tháng 6 năm 2014 đến tháng 6 năm 2015.

- Mẫu phân được lấy trực tiếp ở trực tràng hay mẫu phân mới thải, trữ lạnh đem về phòng thí nghiệm và phiếu điều tra với bộ câu hỏi đã soạn sẵn, máy móc và dụng cụ phòng thí nghiệm ký sinh trùng – Bệnh xá thú y – Đại học An Giang.

2.3 Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu điều tra dịch tễ học được tiến hành theo phương pháp nghiên cứu cắt ngang (Michael Thrusfield, 2007).

- Xác định tình hình nhiễm giun sán bằng phương pháp Willis tìm trứng giun tròn và phương pháp gạn rửa sa lắng của Benedek để tìm trứng sán

và phương pháp Mc Master đếm số lượng trứng giun sán.

- Xác định loài giun sán theo dẫn liệu của Phan Thế Việt, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê (1977).

- Xác định nguy cơ tương đối - Relative risk (RR) theo Michael Thrusfield (2007). Số liệu thu thập được từ phòng thí nghiệm và phiếu điều tra được phân tích bằng phần mềm thống kê Minitab version 15.

$RR = (\text{Tỷ lệ phát sinh bệnh trong nhóm có phơi nhiễm (tiếp xúc với nguy cơ)}) / (\text{Tỷ lệ phát sinh bệnh trong nhóm không phơi nhiễm (không tiếp xúc với nguy cơ)})$

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Sự phân bố thành phần loài giun sán ký sinh trên chó nuôi tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang qua phương pháp kiểm tra phân

Bảng 1 cho thấy chó được nuôi ở địa bàn thành phố Long Xuyên có sự xuất hiện của các loại giun tròn là *Ancylostoma* sp., *Toxocara canis*, *Toxascaris leonina*, *Trichocephalus vulpis* và ba loại sán là *Dipylidium caninum*, *Spirometra mansoni*, *Taenia* sp. Các loại giun tròn này phổ biến tại địa bàn khảo sát với hiện diện cả 4 loài trong tất cả các phường, trong khi đó có 3 loài sán dây xuất hiện ở phường Mỹ Khánh và Mỹ Hòa. Hai phường ngoại thành Bình Khánh và Mỹ Phước có sự xuất hiện của 2 loài, trong khi hai phường trung tâm thành phố Long Xuyên là Mỹ Xuyên và Mỹ Long xuất hiện chỉ xuất hiện 1 loài là *Dipylidium caninum*. *Spirometra mansoni* sờ dĩ có mặt tại 3 phường ngoại ô và phường Mỹ Phước là do ở các phường này dân cư chưa đông đúc vẫn còn nhiều vùng đất trống, kênh rạch tự nhiên và thảm thực vật là nơi trú ngụ của nhiều vật chủ trung gian của các loài sán dây *spirometra mansoni* và *Taenia* sp. như: các loài giáp xác, lưỡng cư, bò sát, chuột... các loài này đã tạo điều kiện lây lan cũng như khép kín vòng đời phát triển của 2 loài sán nói trên. Riêng *Taenia* sp. chỉ có mặt tại 2 phường ngoại ô là Mỹ Khánh và Mỹ Hòa mà không xuất hiện các phường còn lại do loài sán này đa phần có vật chủ trung gian là động vật có vú, lưỡng cư và bò sát không phải là vật chủ trung gian của *Taenia* sp. nên phân nào đã hạn chế sự xuất hiện của chúng. Điều này cũng cho thấy, trong số 3 loài sán dây thì, loài *Dipylidium caninum* là loài sán dây phổ biến nhất xuất hiện ở tất cả các địa bàn khảo sát. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với các tác giả Hoàng Minh Đức (2008), Võ Thị Hải

Lê và Nguyễn Văn Thọ (2011), Đỗ Văn Trường (2011), Nguyễn Quốc Vinh (2010), các tác giả này cũng xác nhận sự tồn tại và lưu hành cho biết đã

tim thấy các loài giun sán này lần lượt ở Hà Nội, Thanh Hóa, Vĩnh Long, Cần Thơ.

Bảng 1: Thành phần loài giun sán ký sinh trên chó nuôi tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

Loài giun sán ký sinh	Địa bàn khảo sát					
	Mỹ Xuyên	Mỹ Long	Mỹ Phước	Mỹ Khánh	Bình Khánh	Mỹ Hòa
Lớp Nematoda						
<i>Ancylostoma</i> sp.	+	+	+	+	+	+
<i>Toxocara canis</i>	+	+	+	+	+	+
<i>Toxascaris leonina</i>	+	+	+	+	+	+
<i>Trichocephalus vulpis</i>	+	+	+	+	+	+
Lớp Cestoda						
<i>Dipylidium caninum</i>	+	+	+	+	+	+
<i>Spirometra mansoni</i>	-	-	+	+	+	+
<i>Taenia</i> sp	-	-	-	+	-	+
Số loài phát hiện	5	5	6	7	6	7

Trong 7 loài giun sán được tìm thấy tại địa bàn khảo sát có đến 5 loài được nhiều tài liệu đề cập có khả năng truyền lây sang người là *Ancylostoma* sp., *Toxocara canis*, *Dipylidium caninum*, *Spirometra mansoni*, *Taenia* sp.; Huỳnh Hồng Quang, (2008); Lê Hữu Khương (2005); Dorn Wathanakulpanich (2010); Tadiwos Abere *et al.*, (2013); Lê Trần Anh và Nguyễn Khắc Lực (2013). Trong đó, *Ancylostoma* sp., *Toxocara canis* lây bệnh cho người dưới dạng ấu trùng gây bệnh và *Dipylidium caninum* gây bệnh ở thể trưởng thành (hầu hết xảy ra ở trẻ em, đặc biệt là trẻ dưới 6 tháng tuổi) (Huỳnh Hồng Quang, 2010; Cabello RR, 2011). Kể đến là loài sán dây *Spirometra mansoni*, *Taenia* sp tuy không xuất hiện phổ biến, nhưng chúng lại có thể gây bệnh cho người vừa ở thể ấu trùng (*cysticercosis*) và vừa ở thể trưởng thành. (Lê Hữu Khương, 2005). Ấu trùng gây nhiễm *plerocercoid* của loài *Spirometra mansoni* có thể gây triệu chứng đau, chảy nước mắt sống, ngứa, sụp mi và phù mắt, bệnh còn có thể dẫn đến mù lòa. Trong trường hợp ấu trùng di hành lên não đã được ghi nhận triệu chứng đau đầu, động kinh và rối loạn trí nhớ. (Lescano *et al.*, 2013; Rengarajan *et al.*, 2008) Các loài sán dây kể trên đều có những tác hại to lớn ảnh hưởng đến sức khỏe con người cũng như gây khó khăn trong chẩn đoán, do vậy cần lưu ý việc tiêu trừ nguồn phát tán trứng sán gây bệnh.

3.2 Sự phân bố tỉ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó theo địa bàn khảo sát

Kết quả Bảng 2 cho thấy tỉ lệ nhiễm chung của giun sán trên chó rất cao chiếm 73,67%, tỉ lệ nhiễm giun tròn tại địa bàn khảo sát là 60,87%, tỉ lệ nhiễm sán dây là 26,09% thấp hơn nhiều so với giun tròn, trong khi đó tỉ lệ nhiễm ghép giun tròn và sán dây là 13,29%. Từ kết quả của Bảng 2 thấy rằng việc quan tâm tẩy trừ và phòng bệnh giun sán của người

nuôi đối với vật nuôi gần gũi nhất vẫn chưa được thực hiện tích cực. Qua phân tích thống kê cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa với ($p < 0,05$) đối với nhóm địa bàn Mỹ Xuyên, Mỹ Long, Mỹ Phước và nhóm địa bàn Mỹ Hòa, Mỹ Khánh, Bình Khánh. Sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê giữa Mỹ Xuyên, Mỹ Long, Mỹ Phước cũng như sự khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê giữa Mỹ Hòa, Mỹ Khánh, Bình Khánh. Nghiên cứu thấy được tỷ lệ nhiễm giun sán cao rơi vào địa bàn phường/xã vùng ngoại ô như Mỹ Hòa, Mỹ Khánh, Bình Khánh chó được nuôi ở đây đa số đều được thả rong và tự do phóng uế, phân chứa trứng giun sán được phát tán ra ngoài môi trường làm tăng khả năng lây lan, các phường/xã ven thành phố có nhiều cây cỏ hơn, nhiều bóng mát và đất nơi này giữ được ẩm độ, nhiệt độ tốt hơn phân chó lâu bị khô, thích hợp cho việc duy trì và phát triển của trứng giun sán. Thêm vào đó, thảm cỏ ở vùng ngoại ô nhiều và phong phú là nơi trú ngụ rất lý tưởng cho trứng và ấu trùng của giun sán, đối với giun móc thời gian phát triển từ trứng đến ấu trùng cảm nhiễm L3 khoảng 15 đến 19 ngày, thời gian tồn tại của ấu trùng phụ thuộc lớn vào nhiệt độ và ẩm độ của môi trường ngoài, nhiệt độ thích hợp nhất trong khoảng 25 đến 28°C (Võ Thị Hải Lê, 2011). Sự có mặt của các côn trùng, ký chủ trung gian của nhiều loài giun sán (chuột, ếch, nhái, bọ chét...) ở nơi đây cũng nhiều hơn cũng là điều kiện thuận lợi cho các loài giun sán truyền lây và phát triển. Lê Hữu Khương (2005) cho rằng đã có nghiên cứu thực nghiệm cho thấy chuột có thể tích trữ ấu trùng giun trong mô và có khả năng lây nhiễm nếu chó ăn phải chuột. Do đó, khi nuôi thả nhiều giống chó ở đây vẫn còn tập tính bắt chuột, không loại trừ khả năng giun móc gây nhiễm cho chó bằng con đường này.

Bảng 2: Tỷ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó theo các phường khảo sát

Địa điểm	SM KT	SMN	TLN%	Nematoda		Cestoda		Nhiễm ghép	
				SMN	TLN%	SMN	TLN%	SMN	TLN%
Mỹ Xuyên	98	63	64,29 ^{bc}	50	51,02	16	16,33	3	3,06
Mỹ Long	84	49	58,33 ^b	42	50,00	10	11,90	3	3,57
Mỹ Phước	75	58	77,33 ^{ac}	53	70,67	15	20,00	10	13,33
Mỹ Khánh	39	34	87,18 ^a	28	71,79	20	51,28	14	35,90
Bình Khánh	61	50	81,97 ^a	38	62,30	21	34,43	9	14,75
Mỹ Hòa	57	51	89,47 ^a	41	71,93	26	45,61	16	28,07
Tổng	414	305	73,67	252	60,87	108	26,09	55	13,29

Ghi chú: những ký tự a, b, c trong cùng một cột khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,01$)

SMKT - Số mẫu kiểm tra SMN - Số mẫu nhiễm TLN - Tỷ lệ nhiễm

3.3 Các yếu tố nguy cơ liên quan đến tỉ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó

3.3.1 Sự phân bố tỉ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó theo phương thức nuôi

Phương thức chăn nuôi ảnh hưởng rất lớn đến tỉ lệ nhiễm giun sán trên chó, điều này thể hiện rõ ở kết quả Bảng 3 chó nuôi thả rong có tỉ lệ nhiễm giun sán (88,05%) cao hơn nhiều so với chó nuôi nhốt (51,53%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê về tỉ lệ nhiễm giun sán theo phương thức nuôi $p < 0,01$. Kết quả cũng cho thấy khi chó thả rong tỉ lệ nhiễm đa loài (nhiễm nhiều loài trên cùng cơ thể chó) là 94,21% trong khi chó nuôi nhốt tỉ lệ nhiễm đa loài là 55,95%. Tương tự, kết quả Bảng 3 cũng chỉ ra rằng chó được nuôi với phương thức nuôi thả có nguy cơ lây nhiễm cao hơn chó nuôi nhốt với relative risk $RR = 1,71$. Nghiên cứu cho thấy chó nuôi nhốt sẽ được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn, có thể bảo đảm kiểm soát được vấn đề vệ sinh gia

súc và vệ sinh thú y tốt hơn cho chó, khi chó được thả rong tự do chúng có cơ hội tiếp xúc, giao tiếp, cắn nhau, gặm gùi nhiều chó khác nhau nên cơ hội lây nhiễm và lây truyền chéo bệnh giun sán cho nhau rất lớn, ngoài ra chó còn có tập tính liếm và ăn các vật lạ, côn trùng, loài gặm nhấm... nên chúng có nguy cơ bị nhiễm giun sán qua đường tiêu hoá nếu các vật đó có nhiễm trứng hoặc ấu trùng giun sán. Thêm vào đó, khi chơi chung hay tiếp xúc với nhau, chó có nguy cơ lớn truyền bệnh ngoại ký sinh cho nhau, những loài ngoại ký sinh này là những ký chủ trung gian rất quan trọng trong vòng đời của 1 vài loài sán dây như: bọ chét, rận... Có khá nhiều yếu tố truyền lây giun sán trên chó khi nuôi thả rong đặc biệt thả rong tự do không kiểm soát (phương thức nuôi này vẫn còn phổ biến tại nhiều gia đình), có thể nói phương thức nuôi này là một trong những yếu tố dịch tễ quan trọng trong việc kiểm soát các bệnh lây truyền do giun sán.

Bảng 3: Tỷ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó theo phương thức nuôi

Phương thức nuôi	SMKT	SMN	TLN %	Nhiễm đơn loài		Nhiễm đa loài		RR
				SMN	TLN%	SMN	TLN%	
Nhốt	163	84	51,53 ^a	37	44,05	47	55,95	
Thả rong	251	221	88,05 ^b	13	5,88	208	94,12	1,71
Tổng	414	305	73,67	50	16,39	255	83,61	

Ghi chú: những ký tự a, b trong cùng một cột khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,01$)

SMKT - Số mẫu kiểm tra SMN - Số mẫu nhiễm TLN - Tỷ lệ nhiễm

3.3.2 Sự phân bố về tỉ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó theo phương thức vệ sinh gia súc

Vệ sinh gia súc là khâu then chốt trong phòng bệnh gia súc, ngoài việc giữ cho thú sạch sẽ, giữ vệ sinh môi trường còn giúp cho thú phòng ngừa được nhiều bệnh phổ biến đặc biệt là thú cưng như chó, mèo. Điều này được thể hiện rõ qua số liệu của Bảng 4. Tỷ lệ nhiễm của chó được vệ sinh tắm chải nhiều hơn ba lần một tuần (> 3 lần/tuần) có tỉ lệ nhiễm thấp nhất chiếm 57,73%, kể đến là 1 đến 3

lần một tuần (1-3 lần/tuần) chiếm 69,63%, cao nhất là ít hơn 1 lần trong một tuần (< 1 lần/tuần), kết quả cũng cho chúng ta thấy tỉ lệ nhiễm đa loài (hơn 2 loài giun sán trên một cá thể chó) ở những chó có chu kỳ vệ sinh < 1 lần/tuần rất cao 98,28% và yếu tố nguy cơ này có liên quan đến bệnh hay nói cách khác relative risk giữa bệnh do giun sán gây ra với chu kỳ vệ sinh tắm chải cho chó là $RR = 1,4$. Sự khác biệt về tỉ lệ nhiễm giữa nhóm chó có chu kỳ vệ sinh khác nhau có ý nghĩa thống kê ở mức

$p < 0,05$, sờ dĩ có sự khác biệt này do trứng giun sán, ấu trùng hay các ký chủ trung gian thường hay bám dính vào lông, da của chó và chó thường có thói quen dùng miệng cắn vào chỗ ngứa ngứa khó chịu nên rất dễ bị nuốt phải trứng và ấu trùng giun sán vào hệ tiêu hoá. Việc tắm chải vệ sinh gia súc định kỳ có ý nghĩa lớn trong việc loại thải và ngăn

chặn sự lây nhiễm, tự nhiễm, tái nhiễm bệnh giun sán, giúp loại bớt phần nào yếu tố gây bệnh (trứng, ấu trùng giun sán và ký chủ trung gian) ra khỏi bề mặt cơ thể chó. Với tình hình nhiễm giun sán khá cao như hiện nay thì tắm chải cũng là biện pháp hữu ích giúp người nuôi bảo vệ thú cưng một cách tích cực để hạn chế bệnh do giun sán gây ra.

Bảng 4: Tỷ lệ nhiễm giun sán ký sinh trên chó theo phương thức vệ sinh gia súc

Chu kỳ vệ sinh Tắm chải lần.tuần ⁻¹	SMKT	SMN	TLN%	Nhiễm đơn loài		Nhiễm đa loài		RR
				SMN	TLN%	SMN	TLN%	
< 1 lần/tuần	126	116	92,06 ^a	2	1,72	114	98,28	1,40
1-3 lần/tuần	191	133	69,63 ^b	31	23,31	102	76,69	
> 3 lần/tuần	97	56	57,73 ^c	17	30,36	39	69,64	
Tổng	414	305	73,67	50	16,39	255	83,61	

Ghi chú: những ký tự a,b,c trong cùng một cột khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,01$)

SMKT - Số mẫu kiểm tra SMN - Số mẫu nhiễm TLN - Tỷ lệ nhiễm

3.3.3 Sự phân bố về tỉ lệ nhiễm giun sán ký sinh theo ý thức tẩy giun định kỳ ở chó

Số liệu Bảng 5 chỉ ra rằng chó không thực hiện tẩy giun định kỳ có tỉ lệ nhiễm cao nhất chiếm 91,02%, kể đến là nhóm chó được tẩy giun có chu kỳ (>6-12 tháng/lần) 58,54%, thấp nhất là nhóm chó có chu kỳ (4-6 tháng/lần) là 42,11%. Tương tự, nhóm chó không thực hiện tẩy giun định kỳ cũng có tỷ lệ nhiễm ghép nhiều loài rất cao 91,02%, tỉ lệ nhiễm ghép thấp nhất vẫn là nhóm chó được tẩy giun định kỳ 4-6 tháng/lần. Qua đó ta cũng có thể thấy có mối tương quan giữa bệnh do giun sán trên chó với yếu tố phơi nhiễm E+ (không thực hiện) và không phơi nhiễm E- (thực hiện tẩy giun 4-12 tháng/lần) rất mật thiết, hệ số RR khá cao bằng 1,83. Đa số chó sau khi nhiễm giun sán bài thải nhiều trứng giun sán trong phân có nhiều nguy cơ bị tự nhiễm và tái nhiễm. Chính vì vậy, chó bị nhiễm ký sinh trùng có cường độ nhiễm cao ngoài

việc gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sức khỏe, mà còn làm giảm hiệu quả tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm khác. Dẫn làm cho việc điều trị kém hiệu quả khi chó mắc các bệnh truyền nhiễm (Viện sĩ Skrjabin). Việc tẩy giun định kỳ từ 4-12 tháng/lần là phương pháp phòng bệnh giun sán tốt trong thời điểm hiện nay. Và kết quả nghiên cứu của chúng tôi phù hợp với các nghiên cứu trước đây việc tẩy giun sán định kỳ 3-4 tháng/lần là biện pháp hữu hiệu nhất giúp khống chế bệnh do giun sán gây ra trên chó từ đó có thể làm giảm tỷ lệ bệnh từ động vật lây sang người (Nguyễn Văn Đê và Phạm Văn Khuê, 2009). Tẩy giun sán định kỳ ngoài lợi ích tiêu diệt được các giun sán trưởng thành trong cơ thể vật chủ, bảo đảm sức khỏe vật chủ, còn làm giảm số lượng trứng, ấu trùng thải ra môi trường bên ngoài đóng góp tích cực cho vệ sinh thú y và sức khỏe cộng đồng.

Bảng 5: Tỷ lệ nhiễm giun sán ký sinh theo chu kỳ tẩy giun định kỳ

Tẩy giun định kỳ	SMKT	SMN	TLN %	Nhiễm đơn loài		Nhiễm đa loài		RR
				SMN	TLN%	SMN	TLN%	
Không thực hiện	286	245	85,66 ^a	22	8,98	223	91,02	1,83
4-6 tháng/lần	56	19	33,93 ^b	11	57,89	8	42,11	
>6 -12 tháng/lần	72	41	56,94 ^c	17	41,46	24	58,54	
Tổng	414	305	73,67	50	16,39	255	83,61	

Ghi chú: những ký tự a,b,c trong cùng một cột khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,01$)

SMKT - Số mẫu kiểm tra SMN - Số mẫu nhiễm TLN - Tỷ lệ nhiễm

4 KẾT LUẬN

Đề tài đã phát hiện được 7 loài giun sán trong đó có 4 loài giun tròn là *Ancylostoma* sp., *Toxocara canis*, *Toxascaris leonine*,

Trichocephalus vulpiss và 3 loài thuộc lớp sán dây *Dipylidium caninum*, *Spirometra mansoni* và *Taenia* sp.,... Có 5 loài được tìm thấy ở tất cả 6 phường khảo sát, *Spirometra mansoni* chỉ được tìm thấy ở Mỹ Phước, Bình Khánh, Mỹ Khánh, Mỹ

Hòa; trong khi đó *Taenia sp* chỉ xuất hiện ở Mỹ Khánh và Mỹ Hòa vì nơi đây có nhiều ký chủ trung gian hơn các địa bàn khác. Các yếu tố nguy cơ làm tăng khả năng mắc bệnh giun sán trên chó là vệ sinh thú y kém (tắm chải ít hơn 1 lần/tuần), nuôi chó thả rong, không thực hiện tẩy giun định kỳ với nguy cơ tương đối lần lượt là 1,40; 1,71; 1,83. Có 5 loài/7 loài tìm thấy có khả năng truyền lây mầm bệnh trực tiếp cho con người như các loài có vòng đời phát triển trực tiếp (*Ancylostoma sp*, *Toxocara canis*) hay gián tiếp bằng cách phát tán nguồn bệnh vào chuỗi thức ăn của con người (vòng đời gián tiếp qua ký chủ trung gian của các loài sán dây như cá, giáp xác, ếch...) Chính vì vậy cần nâng cao nhận thức trong phòng bệnh cho vật nuôi và bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cabello RR, Ruiz AC, Feregrino RR, Romero LC, Feregrino RR, Zavala JT, 2011. Dipylidium caninum infection. BMJ Case Reports.
- Đỗ Văn Trường, 2010. Tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên đường tiêu hóa và thử hiệu quả của Albendazole trong tẩy trừ giun tròn ở chó tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Luận văn tốt nghiệp đại học. Trường Đại học Cần Thơ, Cần Thơ, Việt Nam.
- Dorn Watthanakulpanich, 2010. Diagnostic Trends of Human Toxocariasis, J Trop Med Parasitol. 2010; 33:44-52. Available online at www.ptat.thaigov.net
- Hoàng Minh Đức, 2008. Nghiên cứu tình hình nhiễm giun tròn đường tiêu hóa chó nuôi ở Hà Nội và Biện pháp phòng trị. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, Việt Nam.
- Huỳnh Hồng Quang, 2010. Bệnh do ký sinh trùng sán dây đường ruột có liên quan đến vật chủ con người. Viện sốt rét – Ký sinh trùng – Côn trùng Quy Nhơn. Truy cập từ: <http://www.impe-qn.org.vn/impe-qn/vn/portal/InfoPreview.jsp?ID=1531>
- Huỳnh Hồng Quang, 2010. Thận trọng về sán dây chó, mèo Dipylidium caninum nhiễm bệnh ở người, Viện sốt rét ký sinh trùng Quy Nhơn, truy cập từ <http://www.impeqn.org.vn/impeqn/vn/portal/InfoDetail.jsp?area=58&cat=936&ID=375> 9 ngày 04/05/2015.
- Lê Hữu Khương, 2005. Giun sán ký sinh trên chó ở một số tỉnh miền Nam Việt Nam. Luận án tiến sĩ Thú y. Đại học Nông Lâm TPHCM. Việt Nam.
- Lê Trần Anh và Nguyễn Khắc Lực, 2013. Nhiễm giun sán từ động vật sang người được chẩn đoán tại Bệnh viện 103 (2009-2012). Tạp chí y – dược quân sự. Số 4. Tr 40-44.
- Lescano, A. G., & Zunt, J., 2013. Other cestodes: sparganosis, coenurosis and Taenia crassiceps cysticercosis. Handbook of Clinical Neurology, 114: 335–345.
- Michael Thrusfield, 2007. Veterinary epidemiology. (3rd ed.). Veterinary Clinical Studies, University of Edinburgh. Third Edition by Blackwell Science Ltd, Oxford OX4 2DQ, UK.
- Nguyễn Quốc Doanh, 2012. Tình hình nhiễm giun ở đàn chó nuôi tại Hà Nội, Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Thú y, số 4, tập 19 - 2012.
- Nguyễn Quốc Vinh, 2010. Tình hình nhiễm sán dây ký sinh ở chó và hiệu quả tẩy trừ của một số chế phẩm thuốc tại thành phố Cần Thơ. Luận văn thạc sĩ. Trường Đại học Cần Thơ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Nguyễn Văn Đề và Phạm Văn Khuê, 2009. Bệnh ký sinh trùng truyền lây giữa người và động vật. Vĩnh Phúc: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Phan Thế Việt, Nguyễn Thị Kỳ, Nguyễn Thị Lê ., 1977. Giun sán ký sinh ở động vật Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
- Rengarajan S, Nanjegowda N, Bhat D, Mahadevan A, Sampath S, Krishna S, 2008. Cerebral sparganosis: a diagnostic challenge. Br J Neurosurg, 22:784–786
- Tadiwos Abere, Basaznew Bogale and Achenef Melaku, 2013. Gastrointestinal helminth parasites of pet and stray dogs as a potential risk for human health in Bahir Dar town, north-western Ethiopia, Vet World 6(7): page 388-392.
- Võ Thị Hải Lê và Nguyễn Văn Thọ, 2011. Tình hình nhiễm giun tròn đường tiêu hóa của chó tại một số địa phương tỉnh Thanh Hóa, Khoa học Kỹ thuật Thú y - Tập XVIII – Số 6 – 2011.
- Võ Thị Hải Lê, 2011. Tình trạng nhiễm giun tròn đường tiêu hoá của chó tại một số tỉnh Bắc Trung Bộ. Một số đặc điểm sinh học của Ancylostoma caninum, một trong những giun tròn ở chó có nguy cơ lây sang người. Khoa học Kỹ thuật Thú y -Tập XV– Số 3 – 2011.